

Bản án số: 66/2018/HS-ST
Ngày 12-11-2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN DƯƠNG, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Minh Huế

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Hoàng Việt Toàn

Bà Nguyễn Thị Lợi

- Thư ký phiên tòa: Bà Đào Mai Anh - Thư ký Toà án nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Trương Thị Thanh Nhân - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở, Toà án nhân dân huyện An Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 59/2018/TLST- HS ngày 18 tháng 9 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 67/2018/QĐXXST-HS ngày 01 tháng 11 năm 2018 đối với bị cáo:

Phạm Văn Đ, sinh ngày 14 tháng 8 năm 1999 tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Tổ dân phố 5, thị trấn A, huyện A, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hoá: Lớp 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn T và bà Nguyễn Thị K; chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt, tạm giữ từ ngày 27 tháng 01 năm 2018, chuyển tạm giam từ ngày 02 tháng 02 năm 2018 đến nay; có mặt.

- Người làm chứng: Anh Tô Xuân H; có mặt.

- Người chứng kiến: Anh Phạm Văn P và anh Vũ Quốc H1; đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 11 giờ 30 phút ngày 27 tháng 02 năm 2018, tại chung cư thôn C, xã N, huyện A, Hải Phòng, lực lượng Công an huyện An Dương bắt quả tang Phạm Văn Đ có hành vi bán trái phép chất ma túy cho Tô Xuân H. Vật chứng thu giữ gồm: Thu giữ trên tay phải Tô Xuân H 01 điều thuốc cuộn đang cháy dở bên trong chứa thảo mộc khô, H khai là ma túy cần sa vừa mua của Phạm Văn Đ; thu giữ

trong túi áo khoác bên phải đang mặc của Đ 01 túi nilon kích thước (10x6) cm bên trong chứa thảo mộc khô, 01 hộp nhựa màu đỏ kích thước (01x03x07) cm bên trong có 14 điều thuốc cuộn thảo mộc khô. Tạm giữ 01 điện thoại di động Iphone6 màu trắng, 01 xe mô tô BKS 18E1-249.71 và số tiền 306.000 đồng của Tô Xuân H, tạm giữ 01 điện thoại di động Iphone6 Plus màu trắng và số tiền 559.000 đồng của Phạm Văn Đ.

Tại bản Kết luận giám định số 72/KLGD ngày 10 tháng 3 năm 2018 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an thành phố Hải Phòng kết luận:

- Thảo mộc khô vụn cuộn trong điều thuốc thu giữ trên tay Tô Xuân H là ma túy, loại Cần sa, không đủ điều kiện xác định khối lượng thảo mộc

- Thảo mộc khô vụn đựng trong túi và trong 14 điều thuốc cuộn thu của Phạm Văn Đ là ma túy, khối lượng 4,1615 gam, là loại Cần sa.

Tại Cơ quan điều tra, ban đầu Phạm Văn Đ khai nhận:

Khoảng 15 giờ ngày 27 tháng 01 năm 2018, Tô Xuân H gọi điện thoại cho Phạm Văn Đ hỏi “em còn có không để anh một điều?”, Đ trả lời “Có” và bảo không có xe. Sau đó, H đi vào nhà Đ đón ra chung cư thôn C, xã N, huyện A, Hải Phòng. Tại đây, H dừng xe hỏi Đ “em có điều nào ở đây không?” ý H muốn hỏi mua Đ điều thuốc ma túy “cỏ”, Đ lấy trong người ra một điều đưa cho H. H châm lửa hút được khoảng năm đến sáu hơi rồi đưa cho Đ hút, Đ hút được khoảng ba đến bốn hơi thì đưa lại cho H, khi H đang cầm điều thuốc trên tay thì bị lực lượng Công an kiểm tra và bắt giữ như nêu trên. Số ma túy thu giữ trên là do Đ mua của đối tượng tên là T1 ở khu vực chân cầu A về để sử dụng và bán lại cho người khác, Đ không rõ tên tuổi địa chỉ và số điện thoại của đối tượng này. Đ đã bán ma túy cho H khoảng 10 lần, hai lần đầu giá 120.000 đồng/điều, những lần sau bán với giá 100.000 đồng/điều, và lần nào H hút xong mới trả tiền cho Đ. Ngày 27 tháng 01 năm 2018 H chưa kịp trả tiền cho Đ thì bị bắt giữ.

Quá trình điều tra ngày 27 tháng 3 năm 2018, Phạm Văn Đ thay đổi lời khai. Đ thừa nhận số ma túy thu giữ khi bị bắt là của Đ nhưng không thừa nhận hành vi bán ma túy cho Tô Xuân H mà chỉ là hút chung.

Tại phiên tòa:

Bị cáo Phạm Văn Đ khai: Số ma túy Công an thu giữ là của bị cáo mua về với mục đích để sử dụng, bị cáo chưa lần nào bán ma túy cho Tô Xuân H. Ngày 27 tháng 01 năm 2018, anh H gọi điện rủ bị cáo đi uống bia có anh L đang ở nhà bị cáo chứng kiến chứ không phải H gọi điện để hỏi mua ma túy của bị cáo. Tuy nhiên bị cáo lại thừa nhận tại giai đoạn điều tra, khi Cán bộ điều tra, Điều tra viên cho bị cáo viết bản tự khai, lấy lời khai, hỏi cung đối với bị cáo, bị cáo không bị ép cung, mớm cung, dùng nhục hình. Các lời khai ban đầu bị cáo khai việc bị cáo đã nhiều lần bán ma túy cho H là do bị cáo mới bị bắt tinh thần không được tốt. Lời khai của bị cáo tại giai đoạn điều tra từ ngày 27 tháng 3 năm 2018 và lời khai của bị cáo tại phiên tòa là đúng.

Người làm chứng anh Tô Xuân H khai: Bị cáo Phạm Văn Đ đã bán ma túy Cần sa cho anh nhiều lần, hai lần đầu với giá 120.000 đồng/điều, các lần sau do

quen biết nên Đ bán cho anh với giá 100.000 đồng/điều. Thời gian gần nhất cách ngày bị bắt vào ngày 23 tháng 01 năm 2018, bị cáo Đ đã bán cho anh 01 gói ma túy Cần sa với giá 100.000 đồng tại quán bia cây bàng xã N. Ngày 27 tháng 01 năm 2018, anh gọi điện rủ Đ đi uống bia và hỏi mua của Đ một điều ma túy Cần sa chưa trả tiền, cả hai đang hút chung tại khu chung cư thôn C, xã N thì bị Cơ quan Công an bắt giữ.

Tại Cáo trạng số 50/CT-VKS ngày 12 tháng 9 năm 2018 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện An Dương đã truy tố bị cáo Phạm Văn Đ về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm b, khoản 2, Điều 251 Bộ luật Hình sự.

Sau phần xét hỏi công khai tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Dương phân tích hành vi phạm tội, đánh giá tính chất vụ án, nêu các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng điểm b, khoản 2 và khoản 5, Điều 251; Điều 38 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Phạm Văn Đ từ 08 năm đến 08 năm 06 tháng tù; Phạt bổ sung bị cáo Đ từ 07.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng để sung vào ngân sách Nhà nước.

Về vật chứng: Áp dụng điểm c, khoản 1, Điều 47 Bộ luật Hình sự; khoản 1 và điểm a, khoản 2, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu hủy số ma túy còn lại sau giám định. Tịch thu sung công quỹ Nhà nước 01 điện thoại di động Iphone 6 plus màu trắng thu giữ của bị cáo Đ; trả lại cho bị cáo Phạm Văn Đ số tiền 559.000 đồng nhưng tạm giữ để đảm bảo nghĩa vụ thi hành án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

- Về tố tụng:

[1] Về việc chỉ định người bào chữa miễn phí cho bị cáo Phạm Văn Đ: Sau khi Tòa án thụ lý vụ án, bị cáo Đ có quan điểm gia đình bị cáo thuộc hộ cận nghèo nên bị cáo thuộc diện người được trợ giúp pháp lý miễn phí. Tòa án đã làm việc với mẹ đẻ bị cáo là bà Nguyễn Thị K. Bà K xác định gia đình bà tuy có hoàn cảnh khó khăn nhưng không thuộc diện hộ cận nghèo. Tài liệu điều tra cũng thể hiện gia đình bị cáo không thuộc diện hộ cận nghèo. Vì vậy, không có cơ sở để Tòa án chỉ định người bào chữa miễn phí cho bị cáo Phạm Văn Đ.

[2] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự, không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại gì nên các hành vi, quyết định tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

- Về tội danh:

[3] Về chứng cứ xác định có tội:

Bị cáo Phạm Văn Đ đã có hành vi bán ma túy cho Tô Xuân H nhiều lần, lần 1 vào ngày 23 tháng 01 năm 2018, lần hai vào ngày 27 tháng 01 năm 2018 tại khu

chung cư thôn C, xã N, huyện A, Hải Phòng và tàng trữ trái phép chất ma túy mục đích để mua bán. Tổng trọng lượng chất ma túy Cần sa thu được là 4,1615 gam. Theo Nghị định số 82/2013/NĐ-CP ngày 19 tháng 7 năm 2013 của Chính Phủ thì Cần sa là chất ma túy thuộc danh mục I, STT 08 danh mục các chất ma túy do Chính phủ ban hành.

Hành vi bán Cần sa trái phép nhằm mục đích kiếm lời và tàng trữ Cần sa trái phép nhằm mục đích mua bán của bị cáo Phạm Văn Đ đã phạm vào tội: “Mua bán trái phép chất ma túy” quy định tại Điều 251 Bộ luật Hình sự. Việc này hoàn toàn phù hợp với lời khai ban đầu của bị cáo tại Cơ quan điều tra (Tại các bút lục số 133, 134, 153, 155-157), phù hợp với lời khai của người làm chứng Tô Xuân H, phù hợp với lời khai của những người chứng kiến Phạm Văn P, Vũ Quốc H1, phù hợp với vật chứng thu giữ, phù hợp với Kết luận giám định số 72/KLGD ngày 30 tháng 01 năm 2018 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an thành phố Hải Phòng. Từ ngày 27 tháng 3 năm 2018 và tại phiên tòa, bị cáo thay đổi lời khai cho rằng bị cáo không lần nào bán ma túy cho H mà chỉ là hút chung. Số ma túy Công an thu giữ là của bị cáo mua về mục đích để sử dụng. Việc bị cáo thay đổi lời khai là không có căn cứ chấp nhận. Vì tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra là hoàn toàn tự nguyện, không bị ép cung, mớm cung, dùng nhục hình.

- Về tình tiết định khung hình phạt:

[4] Bị cáo Phạm Văn Đ đã có hành vi tàng trữ Cần sa trái phép nhằm mục đích mua bán và bán Cần sa trái phép cho Tô Văn H nhiều lần, tổng trọng lượng chất ma túy bị cáo mua bán là 4,1615 gam Cần sa, nên bị cáo phải chịu tình tiết định khung tăng nặng “Phạm tội 02 lần trở lên” quy định tại điểm b, khoản 2, Điều 251 Bộ luật Hình sự.

- Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội:

[5] Tính chất vụ án là rất nghiêm trọng, hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước về ma túy, gây mất trật tự trị an xã hội. Việc mua bán, tàng trữ, sử dụng trái phép chất ma túy không chỉ ảnh hưởng xấu đến sức khỏe, trí lực của con người, mà từ ma túy đã làm phát sinh nhiều tội phạm khác và là một trong những nguyên nhân làm lan truyền căn bệnh HIV/AIDS, là hiểm họa đối với mọi gia đình và xã hội. Chính vì vậy, đối với hành vi phạm tội của bị cáo cần phải được xử phạt nghiêm khắc mới có tác dụng giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:

[6] Bị cáo Phạm Văn Đ không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[7] Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo có thái độ không thành khẩn khai báo nên bị cáo không được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s, khoản 1, Điều 51 Bộ luật Hình sự.

- Về hình phạt bổ sung:

[8] Xét tuy bị cáo thực hiện hành vi phạm tội mang tính chất vụ lợi, nhưng bị cáo có hoàn cảnh khó khăn: Trước khi bị bắt bị cáo không có việc làm và thu nhập ổn định, nên chỉ áp dụng hình phạt bổ sung ở mức 7.000.000 đồng đối với bị cáo.

- Về vật chứng:

[9] Đối với 01 điện thoại di động Iphone 6, 01 xe mô tô biển số 18E1-249.71, số tiền 306.000 đồng Cơ quan điều tra thu giữ của anh Tô Xuân H thuộc sở hữu của anh H, do hành vi của H không cấu thành tội phạm nên Cơ quan điều tra đã trả lại cho anh Tô Xuân H.

[10] Lượng ma túy còn lại sau giám định là vật thuộc loại Nhà nước cấm lưu hành nên tịch thu tiêu hủy. Một điện thoại di động Iphone 6 plus màu trắng là phương tiện bị cáo sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội nên tịch thu sung quỹ Nhà nước. Đối với số tiền 559.000 đồng thuộc sở hữu của bị cáo không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo nên trả lại cho bị cáo nhưng tạm giữ để đảm bảo nghĩa vụ thi hành án.

- Về những vấn đề khác:

[11] Đối với hành vi sử dụng trái phép chất ma túy của Tô Xuân H, Công an huyện An Dương đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính.

[12] Đối với người đàn ông tên T1 bán ma túy cho Phạm Văn Đ, hiện chưa xác định được tên, tuổi, địa chỉ nên Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh làm rõ xử lý sau.

- Về án phí:

[13] Theo quy định của pháp luật bị cáo Phạm Văn Đ phải chịu án phí hình sự sơ thẩm để sung vào ngân sách nhà nước.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b, khoản 2 và khoản 5, Điều 251; Điều 38 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Phạm Văn Đ 08 (tám) năm 06 (sáu) tháng tù về tội: "Mua bán trái phép chất ma túy". Thời hạn tù của bị cáo Đ tính từ ngày 27 tháng 01 năm 2018. Phạt bổ sung bị cáo Phạm Văn Đ 7.000.000 đồng để sung vào ngân sách nhà nước.

Về vật chứng: Căn cứ điểm c, khoản 1, Điều 47 Bộ luật Hình sự; khoản 1 và điểm a, khoản 2, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu hủy số ma túy còn lại sau giám định. Tịch thu sung công quỹ Nhà nước 01 điện thoại di động Iphone 6 Plus màu trắng. Trả lại cho bị cáo Phạm Văn Đ số tiền 559.000 đồng nhưng tạm giữ để đảm bảo nghĩa vụ thi hành án.

(Toàn bộ các vật chứng nêu trên hiện Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Dương đang quản lý theo Biên Bản giao nhận vật chứng ngày 20 tháng 9 năm 2018 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện An Dương và Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Dương).

Về án phí: Áp dụng khoản 2, Điều 135; khoản 2, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 6; điểm a, khoản 1, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc Hội ban hành ngày 30 tháng 12 năm 2016 buộc bị cáo Phạm Văn Đ phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm để nộp ngân sách nhà nước.

Về quyền kháng cáo: Bị cáo có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân TP. Hải Phòng;
- Viện kiểm sát nhân dân TP. Hải Phòng;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện An Dương;
- Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện An Dương;
- Phòng PV 27 CATP;
- Phòng PC 81 CATP; Sở Tư pháp HP;
- Chi cục Thi hành án huyện An Dương;
- Bị cáo;
- Lưu: Hồ sơ, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Trương Minh Huế

